

Bản án số: 58/2017/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 8 năm 2017
V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DK - TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Thị Mai Phương
Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Thành
bà Nguyễn Thị Hương

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện DK - Khánh Hòa.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện DK - tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 266/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/7/2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/8/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh Nguyễn Vĩnh T - sinh năm 1978
Trú tại: thôn T - xã DL - huyện DK - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* chị Trần Thị Th - sinh năm 1980
Trú tại: thôn T - xã DL - huyện DK - Khánh Hòa.
Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 30/6/2017, bản tự khai ngày 19/7/2017, nguyên đơn anh T trình bày: năm 2005, anh và chị Th tự nguyện yêu thương nhau về sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng nhau, chị Th đã có hành vi nói nặng lời với anh làm mất mặt anh trước mặt mọi người, nhiều lúc anh đi về khuya chị Th đã nhốt anh bên ngoài không mở cửa. Đến nay, anh xác định không còn tình cảm với chị Th nên anh xin được ly hôn với chị Th. Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao 02 con chung Nguyễn M - sinh ngày 04/02/2006, Nguyễn Minh V - sinh ngày 16/5/2015 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con

2.000.000đ/tháng/02 con vì hiện nay lương của anh là 5.000.000đ/tháng. Tài sản chung: tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Bản tự khai ngày 19/7/2017, bị đơn chị Th trình bày: về thời gian kết hôn như anh T trình bày, chị không có ý kiến gì. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau này khi chị có con thứ hai thì anh T có người phụ nữ khác bên ngoài. Chị có nhiều lần khuyên can nhưng anh T đều không nghe. Chị thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng, đôi lúc cũng không tránh khỏi sai sót. Anh T muốn chị nghe theo những sắp đặt trong việc làm ăn của anh T nhưng chị nhắm không kham nổi nên đã không nghe theo, vì vậy mà vợ chồng mâu thuẫn. Trước đây, mọi vấn đề chi tiêu trong gia đình, anh T đưa thẻ ATM cho chị để chị quán xuyến nhưng kể từ khi anh có người phụ nữ khác thì anh T không còn đưa thẻ ATM cho chị giữ mà hàng tháng rút tiền đưa cho chị. Chị đã theo dõi và cài định vị thì phát hiện anh đi với người khác và chị đã đến nhà người phụ nữ đó để nói chuyện. Nay anh T xin ly hôn, chị không đồng ý vì chị muốn cho anh T thêm cơ hội và vì chị còn yêu anh T và thương các con, sợ con không có cha. Nếu Tòa giải quyết ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi 02 con và anh T cấp dưỡng nuôi con 3.000.000đ/tháng/02 con. Tài sản chung: tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với chị Th; Về con chung: anh đồng ý giao 02 con cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/02 con; Tài sản chung: tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có. Bị đơn chị Th không đồng ý ly hôn; Nếu ly hôn, chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và đồng ý để anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/02 con; Tài sản chung: tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Quan hệ hôn nhân: anh T, chị Th tự nguyện yêu thương nhau, về sống chung và được Ủy ban nhân dân xã DT - huyện DK - Khánh Hòa cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 29/7/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Anh T cho rằng mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng nhau, chị Th đã có hành vi nói nặng lời với anh trước mặt mọi người gây tổn hại đến sĩ diện và lòng tự trọng của anh. Nhiều lúc có việc anh đi về khuya, chị Th đã nhốt anh bên ngoài không mở cửa. Chị Th thì cho rằng những mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đều xuất phát từ việc anh T thay đổi tâm tính vì có người phụ nữ khác bên ngoài, chị làm công chức nhà nước nhưng anh T lại bắt chị nghỉ để mở quán bán hàng và ghi sổ đề nên chị không nghe theo. Trước đây anh vẫn đưa thẻ ATM cho chị giữ nhưng thời gian sau này anh không đưa mà tự mình rút tiền đưa chị, khi chị hỏi thẻ thì anh không đưa nên chị có tức giận đã đến nơi anh chờ xe đi làm của cơ quan và có những lời nói nặng với anh nhưng sau đó về nhà chị đã xin lỗi anh. Chị cho rằng hiện nay do anh nhất thời mê muội nông nổi nên mới ly hôn

chị vì anh sẵn sàng từ bỏ mẹ ruột và anh chị em để được ly hôn chị. Chị xác định đến nay chị vẫn còn tình cảm với anh T nên chị không đồng ý ly hôn vì chị cần gia đình cho 02 con chị và chị không muốn 02 con sống thiếu cha hay thiếu mẹ. Từ những mâu thuẫn mà anh T, chị Th đưa ra thì có thể thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Con chung: Chị Th yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn M - sinh ngày 04/02/2006, Nguyễn Minh V - sinh ngày 16/5/2015 và đồng ý để anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng/02 con. Đây là yêu cầu chính đáng của chị Th nên cần được chấp nhận.

Tài sản chung: anh T, chị Th tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: anh T nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Vĩnh T được ly hôn với chị Trần Thị Th.

Con chung: Giao 02 con chung Nguyễn M - sinh ngày 04/02/2006, Nguyễn Minh V - sinh ngày 16/5/2015 cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Anh T cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*)/tháng/02 con cho đến khi con chung trưởng thành (*đủ 18 tuổi*). Thời gian bắt đầu cấp dưỡng là tháng 8/2017.

Anh T có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết, anh T, chị Th đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung: tự thỏa T, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: không có.

Quy định chung: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: anh Nguyễn Vĩnh T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0018214 ngày 06/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện DK - Khánh Hòa; anh T còn phải tiếp tục nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện DK;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện DK;
- Các đương sự;
- UBND xã DT (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Mai Phương